

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

P 2A35 EasyFILLER Black 4L



We create chemistry

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/11/12
5.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/05/21
	2026/03/19	0000000000507352	
		51	

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : P 2A35 EasyFILLER Black 4L

Mã sản phẩm : 000000000050735251

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

BASF Coatings France SAS
Z.I de Breuil-Le-Sec, Rue André
Pommery
60480 Breuil-Le-Sec
France

Nhà phân phối:
Công Ty TNHH BASF Coatings Việt
Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức TP. HCM
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Liên lạc khẩn cấp

Điện thoại: +84 28 3824 3833
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Số điện thoại liên hệ trong : 18001703 (Việt Nam)
trường hợp khẩn cấp Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
+49 180 2273-112

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Phun
Sơn phủ và các sản phẩm liên quan

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Chất lỏng dễ cháy	: Cấp 3
Ăn mòn/kích ứng da	: Cấp 3
Độc tính sinh sản	: Cấp 2
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại	: Cấp 2 (Thận, Gan, Hệ thần kinh trung ương)
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh	: Cấp 2
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh	: Cấp 2

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/11/12
5.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/05/21
	2026/03/19	0000000000507352	
		51	

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo :

Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm :

H226 Hơi và chất lỏng dễ cháy.
H316 Gây kích ứng da nhẹ.
H361 Nghi ngờ là có hại đến khả năng sinh sản hoặc trẻ chưa sinh.
H373 Có thể gây tổn thương cho các cơ quan (Thận, Gan, Hệ thần kinh trung ương) do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
H411 Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các lưu ý phòng ngừa :

Biện pháp phòng ngừa:

P201 Tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
P202 Không được thao tác hoặc sử dụng cho tới khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc kỹ và hiểu rõ.
P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. - Không hút thuốc.
P233 Đóng chặt thùng chứa.
P240 Tiếp đất và kết nối tất cả các thùng chứa và thiết bị thu nhận.
P241 Sử dụng các thiết bị điện/ thông gió/ chiếu sáng/ chống cháy nổ.
P242 Sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa điện.
P243 Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.
P260 Không hít hơi sương hoặc hơi.
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó:

P303 + P361 + P353 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay tất cả các quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước.
P308 + P313 NẾU đã bị hoặc có lo lắng đến phơi nhiễm: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
P332 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
P370 + P378 Trong trường hợp cháy: Sử dụng cát, hóa chất khô hoặc bọt chịu cồn để dập tắt.
P391 Thu hồi chất tràn đổ.

Lưu trữ:

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/11/12
5.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/05/21
	2026/03/19	0000000000507352	
		51	

P403 + P235 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ sản phẩm ở nhiệt độ mát.
P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

Việc thải bỏ:
P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)
Trường hợp thông tin ứng dụng được cung cấp trong phần này về những mối nguy cơ khác không đưa đến kết quả phân loại nguy hiểm nhưng vẫn ảnh hưởng đến những nguy cơ tổng quát của đơn chất hoặc hợp chất.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Bản chất hóa học : Những chất đậm
nhựa acrylic
nitrocellulose
dung môi hữu cơ
những hợp chất hữu cơ
thuốc nhuộm màu

Thành phần

Tên hóa học	Tên thông dụng/Tên thông thường	Số CAS	Phân loại	Nồng độ (% w/w)
Acetic acid, butyl ester	n-Butyl acetate	123-86-4	Chất lỏng dễ cháy, Cấp 3 Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn (Hệ thần kinh trung ương), Cấp 3 Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh, Cấp 3	>= 15 -< 20
Limestone	limestone	1317-65-3		>= 13 -< 15
Sulfuric acid, barium salt (1:1)	Barium sulfate, natural	7727-43-7		>= 13 -< 15
Phosphoric acid, zinc salt (2:3)	Trizinc bis(orthophosphate)	7779-90-0	Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh, Cấp 1 Nguy hại mãn tính	>= 10 -< 13

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

P 2A35 EasyFILLER Black
4L



Phiên bản
5.0

Ngày tháng sửa đổi,
bổ sung gần nhất:
2026/03/19

MÃ SỐ PHIẾU CHỈ
DẪN AN TOÀN:
0000000000507352
51

Ngày ban hành cuối cùng: 2025/11/12
Ngày ban hành đầu tiên: 2024/05/21

			đối với môi trường thủy sinh, Cấp 1	
Talc (Mg3H2(SiO3)4)	Talc (Mg3H2(SiO3)4)	14807-96-6		>= 7 -< 10
Benzene, dimethyl-	Xylene; Dimethylbenzene	1330-20-7	Chất lỏng dễ cháy, Cấp 3 Độc cấp tính (Đường miệng), Cấp 5 Độc cấp tính (Hít phải), Cấp 5 Ăn mòn/kích ứng da, Cấp 2 Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt, Cấp 2B Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn (Hệ hô hấp), Cấp 3 Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại (Thận, Gan, Hệ thần kinh trung ương), Cấp 2 Nguy hại hô hấp, Cấp 1 Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh, Cấp 2 Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh, Cấp 3	>= 3 -< 5
Propanoic acid, 3- ethoxy-, ethyl ester	3-Ethoxypropanoic acid ethyl ester; Ethyl 3- ethoxypropionate	763-69-9	Chất lỏng dễ cháy, Cấp 3 Độc cấp tính (Đường miệng), Cấp 5 Độc cấp tính (Da), Cấp 5 Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh, Cấp 3	>= 3 -< 5

Phiên bản
5.0

Ngày tháng sửa đổi,
bổ sung gần nhất:
2026/03/19

MÃ SỐ PHIẾU CHỈ
DẪN AN TOÀN:
0000000000507352
51

Ngày ban hành cuối cùng: 2025/11/12
Ngày ban hành đầu tiên: 2024/05/21

Benzene, ethenyl-	Vinylbenzene; Styrene, Ethenylbenzene	100-42-5	Chất lỏng dễ cháy, Cấp 3 Độc cấp tính (Hít phải), Cấp 4 Ăn mòn/kích ứng da, Cấp 2 Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt, Cấp 2A Độc tính sinh sản, Cấp 2 Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn (Hệ hô hấp), Cấp 3 Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại (Hệ thính giác), Cấp 1 Nguy hại hô hấp, Cấp 1 Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh, Cấp 2 Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh, Cấp 3	>= 0.1 -< 0.25
-------------------	---	----------	---	----------------

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung

: Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.
Trong mọi trường hợp có nghi ngờ, hay khi các triệu chứng
vẫn còn, gọi bác sĩ.
Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn ngay lập tức.
Nếu bệnh nhân trở nên bất tỉnh, đặt và vận chuyển ở vị trí
ngiên ổn định (vị trí bình phục).

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

P 2A35 EasyFILLER Black

4L



Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/11/12
5.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/05/21
	2026/03/19	0000000000507352	
		51	

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp	: Nhân viên sơ cứu phải lưu ý về sự an toàn của chính họ. Nếu hít phải, chuyển nạn nhân ra chỗ không khí trong lành. Nếu thấy thở ngắn quãng hoặc ngừng thở, hãy tiến hành hô hấp nhân tạo.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da	: Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ. Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ. Ngay lập tức rửa sạch bằng xà bông và thật nhiều nước đồng thời cởi bỏ tất cả quần áo và giày bị nhiễm. KHÔNG dùng dung môi hay chất pha loãng.
Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt	: Trong trường hợp bắn vào mắt, gỡ bỏ kính áp tròng và ngay lập tức rửa bằng thật nhiều nước, và cả mí mắt, trong ít nhất 15 phút. Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa	: Súc miệng. KHÔNG ĐƯỢC gây nôn. Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này	: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Gây kích ứng da nhẹ. Nghi ngờ là có hại đến khả năng sinh sản hoặc trẻ chưa sinh. Có thể gây tổn thương cho các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
Lưu ý đối với bác sỹ điều trị	: Không có thuốc giải độc đặc trưng. Điều trị theo triệu chứng.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp	: Bụi nước Bột khô Bột Carbon diôxit (CO2)
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp	: Tia nước dung tích lớn
Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy	: Việc cháy sẽ tạo ra khói đen dày đặc có chứa các sản phẩm cháy độc hại (xem phần 10).
Các chất độc được sinh ra khi bị cháy	: Ôxit photpho
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	: Làm mát các bình/thùng chứa bằng bụi nước. Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương. Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa	: Có thể yêu cầu phải có thiết bị hô hấp thích hợp.

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/11/12
5.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/05/21
	2026/03/19	0000000000507352	
		51	

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	: Tránh hít hơi. Liên hệ trong trường hợp không khẩn cấp Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Đảm bảo có sự thông gió đầy đủ, đặc biệt tại những nơi kín. Tránh xa các nguồn phát sinh tia lửa điện. Liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Khuyến nghị sử dụng sản phẩm an toàn xem tại phần 7 và 8 trong phiếu an toàn hóa chất
Các cảnh báo về môi trường	: Không được để thải sản phẩm vào môi trường mà không có kiểm soát. Tránh để thấm xuống lớp đất dưới. Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.
Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố	: Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ. Ngăn chất bị tràn đổ, hút khô bằng các vật liệu hút nước không cháy (ví dụ như cát, đất, diatomit, chất khoáng) và chuyển đến một bình chứa để tiêu hủy theo các quy định của địa phương/quốc gia (xem mục 13).

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ	: Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở. Sản phẩm có thể phóng tĩnh điện: luôn luôn sử dụng chì tiếp đất khi di chuyển từ thùng này sang thùng khác và các thùng chứa tiếp đất. Đề nghị các nhân viên vận hành nên trang bị áo quần và giày chống tĩnh điện. Hơi dung môi nặng hơn không khí và lan rộng khắp các sàn nhà. Hơi nước hình thành hỗn hợp chất nổ với không khí. Các biện pháp chống cháy tương ứng nên được lưu ý. Sử dụng thiết bị chống cháy nổ.
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm	: Không hít hơi hoặc bụi sương. Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Phải lắp đặt thiết bị tắm và rửa mắt khẩn cấp tại khu vực làm việc. Khi các nhân viên vận hành, dù có bụi nước hay không, phải làm việc bên trong phòng bụi nước, có thể hệ thống thông thoáng không đầy đủ để kiểm soát các hạt và hơi dung môi trong mọi trường hợp. Trong những trường hợp này họ nên trang bị thiết bị hô hấp k Không được hút thuốc, ăn uống trong khu vực ứng dụng. Để

Phiên bản
5.0

Ngày tháng sửa đổi,
bổ sung gần nhất:
2026/03/19

MÃ SỐ PHIẾU CHỈ
DẪN AN TOÀN:
0000000000507352
51

Ngày ban hành cuối cùng: 2025/11/12
Ngày ban hành đầu tiên: 2024/05/21

Các thông tin bổ sung về
điều kiện lưu trữ

:
tìm hiểu về bảo vệ cá nhân xem phần 8. Tuân theo luật về
sức khỏe và an toàn nơi làm việc.
Không đổ lại phần cặn vào các thùng chứa.
Trang bị hệ thống thông thoáng tốt tại khu vực làm việc (hệ
thống hút thông thoáng cục bộ nếu cần thiết).
Tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp.
Đóng các thùng chứa cẩn thận một khi đã mở và lưu trữ
chúng thẳng đứng để tránh rò rỉ. Không hút thuốc. Không
được tiếp cận với những cá nhân không được phép
Luôn luôn giữ trong các thùng chứa của cùng vật liệu như
thùng ban đầu của nó.
Tuân theo các đề phòng trong nhãn hiệu.
Để tại nơi khô ráo, mát mẻ và thông gió tốt.

Các chất cần tránh bảo quản
chung

:
Không để gần các chất oxy hóa, chất kiềm mạnh và axit mạnh
để tránh các phản ứng tỏa nhiệt.

Vật liệu đóng gói

:
Vật liệu phù hợp: thép cac-bon (sắt), thiếc (tám thiếc)

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Acetic acid, butyl ester	123-86-4	TWA	500 mg/m3	VN OEL
		STEL	700 mg/m3	VN OEL
		TWA	50 ppm	ACGIH
		STEL	150 ppm	ACGIH
Limestone	1317-65-3	TWA	10 mg/m3 (Canxi cacbonat)	VN OEL
Sulfuric acid, barium salt (1:1)	7727-43-7	TWA (Bụi hạt hít phải qua phổi)	5 mg/m3	ACGIH
Talc (Mg3H2(SiO3)4)	14807-96-6	TWA (Bụi hạt hít phải qua mũi và miệng)	2 mg/m3	ACGIH
Benzene, dimethyl-	1330-20-7	TWA	100 mg/m3	VN OEL
		Thông tin khác: Nhóm 3: Không xác định được tính gây ung thư ở người		
		STEL	300 mg/m3	VN OEL
Benzene, ethenyl-	100-42-5	Thông tin khác: Nhóm 3: Không xác định được tính gây ung thư ở người		
		TWA	20 ppm	ACGIH
		TWA	85 mg/m3	VN OEL
		STEL	420 mg/m3	VN OEL
		TWA	10 ppm	ACGIH

Phiên bản
5.0

Ngày tháng sửa đổi,
bổ sung gần nhất:
2026/03/19

MÃ SỐ PHIẾU CHỈ
DẪN AN TOÀN:
0000000000507352
51

Ngày ban hành cuối cùng: 2025/11/12
Ngày ban hành đầu tiên: 2024/05/21

			STEL	20 ppm	ACGIH	
Ngưỡng giới hạn các chỉ số sinh học						
Thành phần	Số CAS	Các thông số kiểm soát	Mẫu sinh học	Thời gian lấy mẫu	Nồng độ cho phép	Cơ sở
Benzene, dimethyl-	1330-20-7	Các axit metyla hippuric	Nước tiểu	Cuối ca (sớm nhất có thể sau khi ngưng tiếp xúc)	1.5 g/g creatinin	ACGIH BEI
Benzene, ethenyl-	100-42-5	Axit mandelic cộng với axit phenylglyoxylic	Nước tiểu	Cuối ca (sớm nhất có thể sau khi ngưng tiếp xúc)	150 mg/g creatinin	ACGIH BEI
		Styrene	Nước tiểu	Cuối ca (sớm nhất có thể sau khi ngưng tiếp xúc)	20 µg/l	ACGIH BEI

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp : Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp : Thiết bị hô hấp thích hợp:
nửa mặt nạ với bộ lọc kết hợp loại A1P2
Trong trường hợp phơi nhiễm với dạng sương, bụi nước hoặc aerosol, mặc bộ đồ bảo hộ và các thiết bị hô hấp cá nhân thích hợp
Khi công nhân làm việc trong điều kiện nồng độ vượt quá giới hạn phơi nhiễm thì họ phải đeo mặt nạ phòng độc đủ tiêu chuẩn.

Bảo vệ tay

**P 2A35 EasyFILLER Black
4L**

Phiên bản 5.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2026/03/19	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 0000000000507352 51	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/11/12 Ngày ban hành đầu tiên: 2024/05/21
------------------	--	---	---

Ghi chú	: Đeo găng tay bảo vệ. Bất kỳ găng tay bảo vệ hóa chất nào được chứng nhận theo EN ISO 374-1 đều thích hợp: vd. găng tay bảo hộ nitrile - độ dày vật liệu: 0,35 mm Thông tin thêm về thời gian thẩm thấu có sẵn từ nhà sản xuất găng tay. Dữ liệu are dựa trên thông tin từ nhà sản xuất găng tay, nhà sản xuất nguyên liệu hay theo các đặc trưng của các thành phần sản phẩm. Cần thảo luận với nhà sản xuất găng tay bảo hộ về mức độ thích hợp với từng nơi làm việc cụ thể. Yêu cầu thông tin về đặc tính thẩm của găng tay từ nhà cung cấp. Cần loại bỏ và thay thế găng tay nếu thấy bất kỳ dấu hiệu xuống cấp hoặc thủng nào. Đồ bảo hộ da. Các vật liệu thích hợp cho tiếp xúc ngắn hạn (khuyến cáo: ít nhất là chỉ số bảo vệ 2, tương ứng > 30 phút thời gian thẩm thấu theo EN ISO 374-1) Vật liệu thích hợp khi tiếp xúc thời gian dài, tiếp xúc trực tiếp (đề nghị: Bảo vệ trong phụ lục 6, tương ứng thời gian thẩm thấu > 480 phút theo EN ISO 374-1): Vật liệu phù hợp chống văng bắn (khuyến nghị: ít nhất là chỉ số bảo vệ 1, tương ứng > 10 phút thời gian thẩm thấu theo EN ISO 374-1)
Bảo vệ mắt	: Yêu cầu nếu có nguy cơ tiếp xúc với mắt. Kính bảo hộ có tấm chắn bảo vệ hai bên tuân theo EN166
Bảo vệ da và cơ thể	: Áo quần bảo hộ chống tĩnh điện Cá nhân nên trang bị áo quần chống tĩnh điện, làm chậm cháy làm bằng sợi tự nhiên và/ hay sợi tổng hợp chịu nhiệt.
Các biện pháp bảo vệ	: Không hít thở hơi/bụi nước Nước rửa mắt và vòi sen an toàn phải có thể tiếp cận dễ dàng. Nếu không có đủ điều kiện để duy trì nồng độ tại nơi làm việc dưới Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, phải trang bị các thiết bị hô hấp được cấp phép thích hợp. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.
Các biện pháp vệ sinh	: Cởi bỏ tất cả áo quần nhiễm bẩn hóa chất ngay lập tức và xử lý an toàn. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc. Đề xa thức ăn, đồ uống và thức ăn gia súc.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý	: thể lỏng
Màu sắc	: màu đen

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN:	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/11/12
5.0	2026/03/19	000000000050735251	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/05/21

Mùi đặc trưng	:	của acetate
Độ pH	:	Chất / hỗn hợp không hòa tan (trong nước)
Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc	:	chưa được xác định
Điểm sôi/khoảng sôi	:	125 - 135 °C Phương pháp: được tính toán
Điểm cháy	:	29 °C Phương pháp: ISO 3679
Tính dễ cháy	:	Chất lỏng và hơi dễ cháy.
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	chưa được xác định
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	> 35 g/m3
Áp suất hóa hơi	:	10 hPa (20 °C) Phương pháp: được tính toán 51 hPa (50 °C) Phương pháp: được tính toán
Khối lượng riêng	:	1.652 g/cm3 (20 °C)
Độ hòa tan Độ hòa tan trong nước	:	chưa được xác định
Hệ số phân tán: n- octanol/nước	:	không áp dụng đối với hỗn hợp chất
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	> 200 °C
Nhiệt độ phân hủy	:	Không phân hủy nếu được cất trữ và sử dụng như được chỉ dẫn/ quy định.
Độ nhớt Độ nhớt, động học	:	chưa được xác định (40 °C) 411.6 mm2/s (23 °C)
Thời gian chảy	:	> 60 s (23 °C)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

P 2A35 EasyFILLER Black

4L



Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/11/12
5.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/05/21
	2026/03/19	0000000000507352	
		51	

	Mặt cắt ngang: 6 mm
	Phương pháp: ISO 2431
Đặc tính cháy nổ	: Không gây nổ
Đặc tính oxy hóa	: Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.
Các chất tự gia nhiệt	: Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là có tính chất tự sinh nhiệt.
Tốc độ ăn mòn kim loại	: Không gây ăn mòn kim loại.
Đặc điểm hạt	
Kích thước hạt	: Chất/ sản phẩm được giới thiệu ra thị trường hay được sử dụng dưới hình thức không rắn hay bột.

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Tính ổn định	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Phản ứng nguy hiểm	: Hơi có thể hình thành hỗn hợp dễ cháy với khí.
Các điều kiện cần tránh	: Nhiệt, lửa và tia lửa. Tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp.
Vật liệu không tương thích	: Không để gần các chất oxy hóa, chất kiềm mạnh và axit mạnh để tránh các phản ứng tỏa nhiệt.
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc cấp tính

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng	: Ước lượng độc tính cấp: > 5,000 mg/kg Phương pháp: Phương pháp tính toán
Độc tính cấp do hít phải	: Ước lượng độc tính cấp: > 40 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 4 h Không khí kiểm nghiệm: hơi Phương pháp: Phương pháp tính toán

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

P 2A35 EasyFILLER Black

4L



Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/11/12
5.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/05/21
	2026/03/19	0000000000507352	
		51	

Độc tính cấp qua da : Ước lượng độc tính cấp: > 5,000 mg/kg
Phương pháp: Phương pháp tính toán

Thành phần:

Benzene, ethenyl-:

Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột): 12 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: hơi

Ăn mòn/kích ứng da

Gây kích ứng da nhẹ.

Thành phần:

Acetic acid, butyl ester:

Đánh giá : Phơi nhiễm lặp đi lặp lại có thể làm khô hoặc rạn da.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Kích thích hô hấp hoặc da

Nhạy cảm với da

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Nhạy cảm với hô hấp

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Tác nhân gây ung thư

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Độc tính sinh sản

Nghi ngờ là có hại đến khả năng sinh sản hoặc trẻ chưa sinh.

STOT - Tiếp xúc một lần

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Có thể gây tổn thương cho các cơ quan (Thận, Gan, Hệ thần kinh trung ương) do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

Độc tính hô hấp

Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Sản phẩm:

Không có dạng độc tính hô hấp

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

P 2A35 EasyFILLER Black

4L



Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/11/12
5.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/05/21
	2026/03/19	0000000000507352	
		51	

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Thành phần:

Phosphoric acid, zinc salt (2:3):

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính : 1
đối với môi trường thủy sinh)
Nhân tố M (Nguy hại mãn : 1
tính đối với môi trường thủy
sinh)

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

chưa có dữ liệu

Khả năng tích lũy sinh học

Thành phần:

Acetic acid, butyl ester:

Hệ số phân tán: n-
octanol/nước : Pow: 200 (25 °C)
log Pow: 2.3 (25 °C)
Độ pH: 7
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 117
GLP: có

Sulfuric acid, barium salt (1:1):

Hệ số phân tán: n-
octanol/nước : Pow: 4.26
log Pow: 0.63

Talc (Mg₃H₂(SiO₃)₄):

Hệ số phân tán: n-
octanol/nước : log Pow: -9.4 (25 °C)
Độ pH: 7
GLP: không

Benzene, dimethyl-:

Hệ số phân tán: n-
octanol/nước : log Pow: 3.12 - 3.20 (25 °C)
GLP: không
Ghi chú: Thông tin lấy từ các tài liệu và công việc liên quan.

Propanoic acid, 3-ethoxy-, ethyl ester:

Hệ số phân tán: n-
octanol/nước : log Pow: 1.08
log Pow: 1.47

**P 2A35 EasyFILLER Black
4L**

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/11/12
5.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/05/21
	2026/03/19	0000000000507352	
		51	

Độ pH: 6.3
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 117
GLP: có

Benzene, ethenyl-:

Hệ số phân tán: n-
octanol/nước : log Pow: 2.96 (25 °C)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác**Sản phẩm:**

Các thông tin sinh thái khác : Tránh thải vào môi trường.

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.
Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.
Bao bì nhiễm độc : Bao bì không được mở gói đúng cách phải được xử lý là sản phẩm chưa sử dụng

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN**Quy định Quốc tế****UNRTDG**

Số hiệu UN : UN 1263
Tên vận chuyển thích hợp : PAINT
Hạng : 3
Nhóm hàng : III
Nhãn : 3
Nguy hại với môi trường : có

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

P 2A35 EasyFILLER Black

4L



Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/11/12
5.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/05/21
	2026/03/19	0000000000507352	
		51	

IATA-DGR

Số UN/ID	: UN 1263
Tên vận chuyển thích hợp	: PAINT
Hạng	: 3
Nhóm hàng	: III
Nhãn	: Flammable Liquids
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay)	: 366
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay)	: 355

Mã IMDG

Số hiệu UN	: UN 1263
Tên vận chuyển thích hợp	: PAINT (ZINC PHOSPHATE)
Hạng	: 3
Nhóm hàng	: III
Nhãn	: 3
Mã EmS	: F-E, <u>S-E</u>
Chất ô nhiễm đại dương	: có

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Phân loại vận chuyển được nêu ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và chỉ phụ thuộc vào thành phần của nguyên liệu chưa đóng gói như được mô tả trong Phiếu An Toàn Hóa Chất. Phân loại vận chuyển có thể thay đổi tùy theo phương tiện vận chuyển, kích thước bao bì và nhiều yếu tố khác theo quy định của vùng hoặc quốc gia.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 69/2025/QH15

Các quy định khác

Các quy định khác Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- QCVN 05A:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.
- Sửa đổi 1:2024 QCVN 05A:2020/BCT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.
- Nghị định 24/2026/NĐ-CP Quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của luật hóa chất.
- Nghị định 25/2026/NĐ-CP Quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/11/12
5.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/05/21
	2026/03/19	0000000000507352	
		51	

- Nghị định 26/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.
- Thông tư 01/2026/TT-BCT Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và nghị định số 26/2026/nđ-cp của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.
- Thông tư 02/2026/TT-BCT Quy định một số biện pháp thi hành luật hóa chất và nghị định số 25/2026/nđ-cp của chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất.
- Nghị định số 161/2024 NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ;
- Nghị định 34/2024/NĐ-CP ngày 31/03/2024 quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa.

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 2026/03/19
gần nhất

Thông tin khác

- Các thông tin khác : Đối với các hệ thống nhiều bao bì tuân theo bảng dữ liệu an toàn nguyên liệu của các thành phần.
Yêu cầu người sử dụng có kiến thức và chuyên môn về hóa chất.
- Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

- ACGIH : Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH
ACGIH BEI : ACGIH - Các chỉ số phơi nhiễm sinh học (BEI)
VN OEL : Quyết định của bộ trưởng bộ y tế - Hoá chất - giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc
- ACGIH / TWA : 8 giờ, trung bình tính theo thời gian
ACGIH / STEL : giới hạn tiếp xúc trong thời gian ngắn
VN OEL / TWA : Trung bình về thời gian
VN OEL / STEL : Từng lần tối đa

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng

Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/11/12
5.0	bổ sung gần nhất:	DẤN AN TOÀN:	Ngày ban hành đầu tiên: 2024/05/21
	2026/03/19	0000000000507352	
		51	

trường; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống hài hòa Toàn cầu; GLP -Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; MERCOSUR - Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

VN / VI